

PHẦN 1

NỘI DUNG 1: QUY LUẬT PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ EM

A. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN HỌC VIÊN CẦN NẮM VỮNG

1. Sự phát triển tâm lý của trẻ em

Phần này có 02 nội dung: Nguyên lý phát triển và Trẻ em là gì?

2. Những quy luật phát triển tâm lý của trẻ em

Phần này gồm 5 nội dung chính:

- *Ảnh hưởng của nền văn hóa đối với sự phát triển của trẻ em*

Sự phát triển như là một quá trình trẻ em lĩnh hội kinh nghiệm loài người trong nền văn hóa; vai trò của nền văn hóa xã hội với sự phát triển tâm lý của trẻ em; vai trò đặc biệt của văn hóa gia đình đối với trẻ ở lứa tuổi mầm non.

- *Ảnh hưởng của hoạt động đối với sự phát triển của trẻ em*

Hoạt động là động lực phát triển tâm lý của trẻ em; cơ chế nhập tâm tạo nên sự phát triển tâm lý của trẻ; tính chất của hoạt động quy định tính chất của sự phát triển tâm lý; hoạt động chủ đạo.

- *Ảnh hưởng của điều kiện sinh học đối với sự phát triển tâm lý của trẻ*

Những điều kiện và vai trò của ảnh hưởng sinh học.

- *Ảnh hưởng của giáo dục đối với sự phát triển của trẻ*

Giáo dục là gì? Tác động của giáo dục đến sự phát triển tâm lý của trẻ.

- *Tính không đồng đều của sự phát triển*

3. Phân định thời kỳ phát triển tâm lý theo lứa tuổi

B. GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI

Câu 1: *Thế nào là sự phát triển tâm lý trẻ em?*

Gợi ý:

1. Nguyên lý phát triển

Tâm lý học trẻ em, với tư cách là khoa học nghiên cứu những quy luật

của sự phát triển tâm lý trẻ em. Đây chính là nguyên lý phát triển trong phạm trù triết học, từ đó soi sáng khái niệm phát triển trong phạm trù tâm lý học trẻ em.

Nguyên lý phát triển thừa nhận mọi sự vật đều vận động không ngừng, không ngừng chuyển hóa lẫn nhau để luôn tạo ra cái mới, chưa hề có. Cái mới này là kết quả phát triển tất yếu của quá khứ, là sự kế thừa quá khứ theo phương thức phủ định. Nói cách khác, cái mới không nảy sinh từ bản thân nó, cái mới chỉ có thể nảy sinh bằng cách phủ định cái trước đó, để rồi tự hình thành và hoàn thiện bản thân mình trên cơ sở của chính mình.

Một cái mới đồng thời cũng có một phương thức vận động mới. Như vậy, nguyên lý phát triển chi phối toàn bộ quá trình phát triển và trong từng giai đoạn của nó. Nếu coi là một thể thống nhất thì tại bất cứ thời điểm nào của quá trình, ta cũng có một thể thống nhất hoàn chỉnh đang ở trình độ ấy và đang phát triển.

Cần đưa quan điểm phát triển này vào việc xem xét quá trình lớn lên thành người của trẻ em, trong phạm trù người. Với con người, phát triển là quá trình tự tạo ra cho mình những cái mới, lấy từ trong nền văn hóa - xã hội do các thế hệ trước tạo ra bằng chính những hoạt động của mình.

Sự phát triển của trẻ em là quá trình đưa trẻ lĩnh hội kinh nghiệm xã hội - lịch sử của nhân loại bằng hoạt động của bản thân trẻ để phát triển thành người lớn.

2. Trẻ em là gì?

Sinh viên cần trả lời đúng và đủ 2 quan niệm về trẻ em:

- Trẻ em là một khái niệm lịch sử. Trẻ em là trẻ em, trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ lại. Xã hội càng văn minh, tuổi thơ càng được kéo dài hơn và ở một trình độ văn minh nhất định thì loại hình hoạt động đầu tiên của trẻ em là chơi rồi đến học tập, sau đó mới là lao động sản xuất.

- Trẻ em là một thực thể đang phát triển: “trẻ em vẫn là một thực thể đang sinh thành và tồn tại trong sự sinh thành ấy. Chính sự tồn tại trong sự sinh thành ấy tạo ra sự phát triển của chính nó” (Hồ Ngọc Đại).

Câu 2: Văn hóa ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển tâm lý trẻ em?

Gợi ý:

- Sự phát triển như là quá trình trẻ em lĩnh hội kinh nghiệm loài người trong nền văn hóa

Tâm lý con người và động vật luôn luôn biến đổi. Tuy nhiên tính chất và nội dung của quá trình biến đổi trong thế giới động vật và ở con người khác nhau về chất. Cơ chế chủ yếu của tâm lý động vật là sự truyền kinh nghiệm bằng con đường di truyền sinh học. Sự thích nghi cá thể đối với môi trường bên ngoài được triển khai trên cơ sở kinh nghiệm đó. Đặc điểm của các chức năng tâm lý người là chúng được phát triển trong quá trình trẻ em lĩnh hội kinh nghiệm xã hội lịch sử được loài người ghi giữ lại trong nền văn hóa.

Nói tới văn hóa là nói tới con người, nói tới xã hội loài người cùng với toàn bộ thành tựu phát triển của nó. Nói tới văn hóa là nói tới việc nhằm hoàn thiện con người, hoàn thiện xã hội.

Cũng như mọi sinh thể khác trong vũ trụ, con người là một bộ phận của vũ trụ, chịu sự quy định chặt chẽ của thế giới tự nhiên. Nhưng khác với các sinh vật khác, "một thiên nhiên" thứ hai do chính con người tạo ra bằng bàn tay, trí óc của mình. Thiên nhiên thứ hai này chính là văn hóa, và "thiên nhiên" này nuôi dưỡng toàn bộ đời sống tinh thần của con người.

- Vai trò của nền văn hóa xã hội với sự phát triển tâm lý của trẻ

Xét quá trình hình thành lịch sử xã hội loài người thì con người là chủ nhân sáng tạo ra toàn bộ sản phẩm văn hóa, những sản phẩm này hợp thành thế giới văn hóa, tự nhiên. Cùng với thế giới tự nhiên, văn hóa thường xuyên tác động đến con người, nó bồi dưỡng tâm hồn, rèn luyện ý chí và tôi luyện nên nhân cách con người.

Xét về quá trình phát triển của một đứa trẻ, thì ngay từ khi ra đời, trẻ đã có sẵn một thế giới văn hóa của loài người, trẻ chưa phải là người sáng tạo ra nó và cũng chưa thể biến đổi nó. Song nền văn hóa xã hội là nguồn gốc của sự phát triển tâm lý của trẻ. Không được sống trong xã hội loài người thì đứa trẻ không thể trở thành người. Khi sinh thành ra, đứa trẻ được

thừa hưởng bộ não người cơ quan quan trọng nhất để phản ánh hiện thực khách quan làm nảy sinh cái tâm lí.

Văn hóa tạo nên sự phát triển liên tục của lịch sử nhân loại và lịch sử của mỗi dân tộc. Không bao giờ có thể cắt đứt con người với lịch sử, nên cũng không thể tách con người khỏi văn hóa, vì văn hóa cũng là bản thân lịch sử của con người, là mỗi người. Trong nền văn hóa xã hội chứa đựng toàn bộ kinh nghiệm quý báu, những tri thức của loài người, và đó là nội dung cơ bản để phát triển trí tuệ, nhân cách cho trẻ. Hơn nữa văn hóa xã hội chứa đựng cả những chuẩn mực đạo đức, những giá trị thẩm mĩ nó giúp cho con người vươn tới chân, thiện, mĩ.

Trẻ sinh ra, sự phát triển tâm lí của nó bị khống chế bởi nền văn hóa mà nó tiếp xúc. Nền văn hóa xã hội, những kinh nghiệm lịch sử xã hội là nguồn gốc và nội dung của sự phát triển tâm lí. Văn hóa lạc hậu, chậm phát triển sinh ra những con người lạc hậu, văn hóa hiện đại sẽ sản sinh ra những con người văn minh.

Như vậy, do điều kiện, hoàn cảnh kinh tế và tiến bộ xã hội khác biệt có thể tạo nên trình độ phát triển khác nhau của trẻ em các dân tộc sống ở các miền khác nhau trên thế giới và giữa các vùng trong cùng một đất nước. Sự khác biệt giữa các nền văn hóa tạo ra sự khác biệt tâm lí giữa trẻ với nhau. Song ở cùng một nền văn hóa như nhau mỗi đứa trẻ cũng khác nhau, bởi vì mỗi đứa trẻ tiếp nhận nền văn hóa ấy theo cách riêng của mình.

- Vai trò đặc biệt của văn hóa gia đình đối với trẻ ở lứa tuổi mầm non

Lúc mới sinh ra, tất cả trẻ em đều được cha mẹ nuôi dưỡng trong tổ ấm, đến một độ tuổi nào đó mới ra hoà nhập được vào cộng đồng xã hội.

Tổ ấm của trẻ em là gia đình, là môi trường văn hóa, được tạo dựng nên trên cơ sở tình thương yêu, đùm bọc lẫn nhau của những người ruột thịt trong gia đình gọi là văn hóa gia đình.

Văn hóa gia đình là một môi trường đặc biệt rất phù hợp với sự phát triển của trẻ thơ. Trước hết vì đó là môi trường an toàn, trong đó đứa trẻ lớn lên bên cạnh những người ruột thịt, luôn được thương yêu ấp ủ ; môi trường đó tạo nên ở trẻ cảm giác an toàn về mặt tâm lí và an toàn về mặt thể chất. Nhờ có cảm giác an toàn đó, đứa trẻ mới cảm thấy yên tâm, mới vui tươi hồn nhiên, mới mạnh dạn thăm dò, thử nghiệm, tìm cách tác động lên sự vật

xung quanh để phát huy những khả năng về sinh lí và tâm lí đang sinh sôi nảy nở. Mất đi cái cảm giác an toàn, đứa trẻ luôn sợ hãi, dễ co mình lại, giảm tính tích cực năng động và thường xuyên rơi vào tình trạng thụ động, buồn bã.

Gia đình còn là một môi trường phong phú. Trong nhà thường có ông bà, cha mẹ, anh chị em, tạo ra những mối quan hệ đa dạng giữa nhiều người ở những thế hệ và độ tuổi khác nhau. Thế giới đồ vật trong nhà, từ những đồ dùng hằng ngày đến vật nuôi, cây trồng... đều muôn màu muôn vẻ. Có thể nói văn hóa gia đình là môi trường an toàn và phong phú, trong đó trẻ được nuôi dưỡng và dạy dỗ theo một phương thức đặc biệt. Phương thức gia đình khác với phương thức nhà trường.

Phương thức tác động của gia đình đối với trẻ em có những đặc điểm sau đây:

- 1) Gia đình chăm sóc trẻ em bằng tình thương yêu ruột thịt.
- 2) Người lớn trong gia đình dạy trẻ bằng giao tiếp trực tiếp và thường xuyên với nó. Người lớn dạy trẻ thường xuyên ở mọi nơi, mọi lúc, trong các tình huống của cuộc sống thực ở xung quanh. Có thể nói đứa trẻ đã lớn lên và học làm người một cách tự nhiên và nhẹ nhàng.
- 3) Gia đình không tiến hành tác động đồng loạt với trẻ em trong nhóm hay trong tập thể, mà chăm sóc dạy dỗ từng cháu một (kể cả với các trẻ sinh đôi), đáp ứng kịp thời các nhu cầu phù hợp với thể trạng và nét tâm lí riêng của từng cháu.
- 4) Tác động gia đình thường bằng nhiều hình thức mang tính chất tích hợp và đượm màu sắc nghệ thuật.

Nhờ phương thức tác động đặc biệt này, gia đình có ảnh hưởng tuyệt đối trong quá trình phát triển của trẻ thơ. Trẻ em đã tiếp thu văn hóa gia đình một cách tự nhiên, nhẹ nhàng mà hiệu quả lại cao. Văn hóa gia đình để lại ấn tượng sâu đậm trong tâm hồn đứa trẻ, khiến đôi khi ta tưởng như đó là bản năng thứ hai của con người.

Tất nhiên, hiệu quả của giáo dục gia đình hoàn toàn phụ thuộc vào trình độ văn hóa của mỗi thành viên trong gia đình mà họ đã tiếp thu được của nền văn hóa dân tộc và nhân loại đặc biệt là trình độ văn hóa của người mẹ.

Tuy nhiên, gia đình, nhất là gia đình cổ truyền, cũng tồn tại nhiều nhược điểm do những hạn chế mang tính lịch sử của nó. Gia đình cổ truyền thường là một môi trường khép kín, ít có điều kiện để trẻ tiếp xúc rộng rãi với đời sống xã hội bên ngoài. Hơn nữa, những người trong gia đình, đặc biệt là người mẹ, số đông lại ít được trang bị những kiến thức cần thiết về khoa học nuôi dạy trẻ, do đó việc nuôi dạy trẻ trong gia đình thường mang tính chất kinh nghiệm chủ nghĩa, tính chất tùy tiện và còn không ít tập tục lạc hậu chi phối, nhất là ở nông thôn và miền núi.

Câu 3: Hoạt động ảnh hưởng tới sự phát triển của trẻ em như thế nào?

Gợi ý:

Hoạt động là động lực phát triển tâm lý của trẻ

Hoạt động là phương thức tác động qua lại giữa con người và thế giới, qua đó làm thay đổi thế giới và biến đổi cả con người. Cuộc sống của con người là một dòng hoạt động, chính ở đó tâm lý nhân cách con người được hình thành và phát triển.

Hoạt động của trẻ bao giờ cũng diễn ra trong xã hội và dưới sự hướng dẫn của người lớn để hình thành nên tâm lý của mình.

Có hai loại hoạt động:

- Hoạt động đối tượng.
- Hoạt động giao tiếp (hay giao tiếp).

Khi nói đến hoạt động là nói đến cả hai loại hoạt động: hoạt động đối tượng và hoạt động giao tiếp (hay gọn hơn là giao tiếp). Trong chuỗi hoạt động của con người lúc này thì hoạt động đối tượng nổi lên hàng đầu, lúc khác thì giao tiếp lại nổi lên hàng đầu. Chỉ thông qua hoạt động và bằng thoạt động trẻ mới chuyển được những kinh nghiệm lịch sử - xã hội của loài người thành kinh nghiệm và năng lực của bản thân để hình thành và phát triển tâm lý.

- Cơ chế nhập tâm (sự chuyển hóa từ hoạt động bên ngoài vào hoạt động bên trong) tạo nên sự phát triển tâm lý của trẻ

Cơ chế nhập tâm là con đường cơ bản để thế hệ sau tiếp thu kinh nghiệm của thế hệ trước để lại. Sự nhập tâm ấy được thực hiện bắt đầu từ hoạt động đối tượng bên ngoài hoặc sự giao tiếp giữa cá nhân (giữa trẻ em

với người lớn). Nhờ đó, kết quả là tâm lý được hình thành trong cá thể (trẻ em). Do đó khi nói về tâm lý thì trước hết phải nghiên cứu các hoạt động có đối tượng bên ngoài và tiếp đó bằng sự chuyển hóa mà có hoạt động tâm lý. Theo Vygotski thì hoạt động tâm lý (hoạt động bên trong) của mỗi người được xây dựng theo mẫu của hoạt động bên ngoài. Hoạt động bên trong được thực hiện nhờ các phương tiện trung gian là ngôn ngữ, hệ thống tín hiệu và dấu hiệu (âm thanh) và tâm lý. A. N. Lêônchiev khẳng định bằng thực nghiệm sự phụ thuộc đa dạng của tâm lý vào các hình thức hoạt động trên đối tượng bên ngoài theo cơ chế chuyển vào trong (nhập tâm).

- Tính chất của hoạt động quy định tính chất của sự phát triển tâm lý

Nhân cách được tạo ra bởi hoàn cảnh khách quan thông qua hoạt động của cá nhân để thực hiện các quan hệ của nó với thế giới. Những đặc điểm của hoạt động này cũng tạo thành các quy định kiểu loại của nhân cách, vì con người tác động đến thế giới khách quan không như nhau.

"Con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy" (C. Mác). Chính vì vậy, con người càng tích cực tác động tới thế giới khách quan bao nhiêu hay càng tích cực hoạt động bao nhiêu thì thế giới khách quan tác động trở lại con người càng tích cực bấy nhiêu, tức là tâm lý càng phát triển phong phú và đa dạng. Hoạt động của con người càng đi sâu tìm hiểu bản chất của sự vật hiện tượng, quan hệ xung quanh mình thì con người càng hiểu sâu sắc thế giới ấy, sự phát triển tâm lý càng bền vững.

- Hoạt động chủ đạo

Có những hoạt động giữ vai trò chủ yếu trong sự phát triển, có những dạng giữ vai trò phụ thuộc. Nhưng sự phát triển tâm lý phụ thuộc không phải vào những hoạt động nói chung mà phụ thuộc chủ yếu vào hoạt động chủ đạo. Ở mỗi lứa tuổi có một hoạt động chủ đạo nhất định, đó là hoạt động có những đặc điểm sau đây:

a) Là hoạt động có đối tượng mới mẻ, chưa hề có trước đó. Chính đối tượng mới này tạo ra những cái mới (hay những cấu tạo mới) trong tâm lý, tức là tạo ra sự phát triển (theo đúng nghĩa của thuật ngữ này).

b) Là hoạt động có khả năng chi phối toàn bộ đời sống tâm lý của trẻ. Những quá trình tâm lý của trẻ được cải tổ, được tổ chức lại bằng hoạt động này.

c) Là hoạt động có khả năng chi phối các hoạt động khác diễn ra đồng thời và tạo ra những nét đặc trưng trong tâm lí của trẻ ở mỗi giai đoạn phát triển.

Tóm lại, "Hoạt động chủ đạo đó là hoạt động mà sự phát triển của nó quy định những biến đổi chủ yếu nhất trong các quá trình tâm lí và trong các đặc điểm tâm lí của nhân cách đứa trẻ ở giai đoạn phát triển nhất định của nó" (A.N. Lêônchiev).

Vì vậy, nếu trong giai đoạn hoặc thời kì phát triển nào đó, hoạt động chủ đạo không được thực hiện tốt thì dù các hoạt động khác có thể được tổ chức tốt đến mấy cũng không bù đắp được sai sót của giai đoạn ấy và ảnh hưởng cả đến sự phát triển của giai đoạn sau.

Câu 4: Điều kiện sinh học ảnh hưởng đối với sự phát triển tâm lí của trẻ em như thế nào?

Gợi ý:

- Điều kiện sinh học là gì ?

Điều kiện sinh học là cơ sở vật chất, cơ sở di truyền mà trẻ nhận được từ cha mẹ mình. Ngoài những yếu tố di truyền ra, điều kiện sinh học còn bao gồm những yếu tố bẩm sinh. Đặc điểm bẩm sinh thường hình thành trong quá trình phát triển của bào thai. Cách sống của cha mẹ, cách ăn uống, chế độ nghỉ ngơi, lao động, bệnh tật, những cơn xúc động thần kinh, ảnh hưởng của tia phóng xạ, chất độc hóa học, virút HIV từ cha mẹ v.v... đều có thể ảnh hưởng đến con cái. Tất cả sự dao động của "môi trường cha mẹ" đó gây ra những sự thay đổi trong chức năng và đôi khi trong cấu trúc giải phẫu của cơ thể thai nhi.

Như vậy, khi sinh ra đứa trẻ có những đặc điểm di truyền từ cha mẹ, tổ tiên của mình và có những đặc điểm bẩm sinh hình thành trong quá trình phát triển của bào thai. Đó là điều kiện sinh học của sự phát triển tâm lí.

- Vai trò của điều kiện sinh học đối với sự phát triển tâm lí của trẻ

Ngay từ khi lọt lòng đứa trẻ đã có một hệ thần kinh của con người, có một bộ não có khả năng trở thành cơ quan hoạt động tâm lí cực kì quan trọng và phức tạp chỉ riêng con người mới có. Bộ não của con người cùng với đặc điểm các cơ quan của cơ thể là tiền đề vật chất để một cá thể trở thành một con người.

Cấu tạo của bộ não người và động vật khác xa hẳn nhau. Bộ não người với hơn 15 tỉ tế bào thần kinh ở vào cấp độ cao nhất trong các động vật, đã trở thành một cơ quan có khả năng tạo nên những cơ quan chức năng. Chính chúng là thực thể vật chất của những năng lực và chức năng chuyên biệt hình thành trong quá trình con người lĩnh hội thế giới sự vật và hiện tượng những công trình văn hóa do nhân loại sáng tạo ra.

Điều kiện sinh học là tiền đề vật chất, là phương tiện để nảy sinh và phát triển tâm lí của trẻ ở mức độ nào là điều vẫn còn được tranh cãi nhiều, phụ thuộc nhiều vào điều kiện sống và giáo dục.

Ngày nay, chúng ta thừa nhận rằng tính di truyền có thể bất lợi đối với sự phát triển năng lực trí tuệ. Bởi vì sự phát triển của quá trình nhận thức chủ yếu tùy thuộc vào điều kiện học tập và giáo dục của họ.

Một trong những đặc điểm của các cơ quan chức năng của vỏ não đặc biệt ở trẻ em khi hệ thần kinh còn mềm dẻo là chúng có khả năng cải tổ lại và từng thành phần của chúng có thể bị thay đổi bởi thành phần khác, nhưng khi đó hệ thống chức năng ấy vẫn còn như một thể hoàn chỉnh. Nói cách khác chúng có khả năng bù trừ cao vô cùng. Ví dụ người mù thì phát triển chức năng thính giác và xúc giác, trẻ câm phát triển khẩu hình v.v... Dựa vào đặc điểm này của các cơ quan chức năng của não người ta có thể tiến hành phục hồi chức năng cho những trẻ bị khiếm khuyết một số cơ công tác bù trừ quan chức năng nào đó, càng sớm càng tốt (can thiệp sớm).

Câu 5: *Giáo dục ảnh hưởng đối với sự phát triển tâm lí của trẻ em như thế nào?*

Gợi ý:

- *Giáo dục là gì ?*

Giáo dục là quá trình mà thế hệ cha anh truyền lại kinh nghiệm lịch sử xã hội cho các thế hệ mới nhằm chuẩn bị cho họ bước vào cuộc sống và lao động để bảo đảm sự phát triển hơn nữa của xã hội và của cá nhân.

Như vậy, theo nghĩa rộng, nói đến giáo dục là nói đến sự tác động tới con người của toàn xã hội và của thực tiễn xung quanh.

Đối với trẻ thơ, giai đoạn đầu tiên của đời người (từ lọt lòng đến 6 tuổi) giáo dục nhằm phát triển các chức năng tâm lí, hình thành những cơ sở

ban đầu của nhân cách con người, chuẩn bị cho những giai đoạn phát triển sau được thuận lợi.

- Tác động của giáo dục đến sự phát triển tâm lí của trẻ

A.N. Lêônchiev khẳng định "Sự phát triển lịch sử xã hội loài người không thể thiếu sự truyền thụ tích cực cho thế hệ trẻ những thành tựu văn hóa của loài người, không thể thiếu sự giáo dục".

Trẻ em không đứng một mình đối diện với thế giới xung quanh nó. Để lĩnh hội được những kinh nghiệm lịch sử xã hội, lúc đầu đứa trẻ có thể hoàn thành hành động dưới sự chỉ đạo và giúp đỡ của người lớn sau đó thì hoàn thành một mình. Giáo dục phải hướng vào "vùng phát triển gần nhất" của trẻ làm sao cho trẻ hôm nay còn phải có sự giúp đỡ của người lớn, ngày mai nó đã tự làm một mình.

Việc tính đến trình độ phát triển mà trẻ đạt được như vậy và đồng thời sự định hướng vào vùng gần nhất "ngày mai" của những khả năng là đặc biệt quan trọng, vì lẽ chúng không chỉ vạch ra mối quan hệ qua lại đúng đắn của giáo dục và phát triển mà còn xác nhận vai trò chủ đạo của sự tác động của người lớn, của giáo dục.

Để quá trình giáo dục mang lại hiệu quả cao thì người ta cần nghiên cứu xác định xem dạy trẻ những cái gì và dạy trẻ như thế nào ở các giai đoạn khác nhau của tuổi ấu thơ. Nhưng không phải mọi sự giáo dục đều kéo theo sự phát triển. Có nghĩa là nếu sự giáo dục quá xa vời đối với trẻ hoặc quá dễ đối với trẻ thì nó không có tác dụng đối với sự phát triển.

Giáo dục luôn đi trước sự phát triển. Giáo dục bao giờ cũng tính đến mọi yếu tố sinh học cũng như yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách trẻ. Giáo dục có thể giúp trẻ rèn luyện làm thay đổi điều kiện sinh học, tạo ra hoàn cảnh tốt, đặc biệt là tổ chức cho trẻ hoạt động để thực hiện mục đích của giáo dục.

Giáo dục còn tác động qua lại rất mật thiết với tất cả những ảnh hưởng xuất phát từ môi trường, nó nắm vai trò chủ đạo trong việc sử dụng các điều kiện xã hội thuận lợi, cũng như trong việc loại trừ hoặc làm suy yếu những ảnh hưởng và tác động bất lợi bắt nguồn trong một số trường hợp từ môi trường mà trẻ sống. Nhà giáo dục có thể tạo ra những điều kiện tốt giúp trẻ phát triển thuận lợi, có thể định hướng phát triển tâm lí của trẻ em.

Chúng ta đánh giá cao vai trò của giáo dục song chúng ta không cho "giáo dục là vạn năng". Bởi mọi sự tác động từ bên ngoài đều phải qua cái bên trong, thông qua điều kiện vật chất, tiền đề làm nảy sinh và phát triển tâm lí. Giáo dục luôn tính đến đặc điểm tâm lí, sinh lí của trẻ ở từng giai đoạn, vào đặc điểm cá biệt của từng trẻ. ý nghĩa của giáo dục còn ở chỗ, nó có thể thay đổi điều kiện bẩm sinh của trẻ, thay đổi yếu tố di truyền không có lợi cho sự phát triển như các dị tật, bằng phương pháp tập luyện đặc biệt và phát triển những mầm mống năng khiếu đặc biệt của trẻ. Điều này rất có ý nghĩa trong việc giáo dục trẻ khuyết tật và phát triển năng khiếu ở trẻ.

Câu 6: Phân tích quy luật phát triển không đồng đều của trẻ?

Gợi ý:

- Xét trong tiến trình phát triển của mỗi cá thể

Sự phát triển không phải là sự tăng lên về lượng một cách đồng đều theo một con đường thẳng tắp êm ả; trái lại, sự phát triển của mỗi cá thể mang tính không đồng đều. Trong tiến trình đó, có những giai đoạn sự phát triển được thực hiện với một tốc độ rất nhanh chóng, lại có những giai đoạn tốc độ phát triển chậm chạp hơn. Đặc biệt, tuổi càng nhỏ thì sự phát triển càng nhanh. Đối với trẻ ở lứa tuổi mầm non (từ lọt lòng đến 6 tuổi) thì tốc độ phát triển nhanh đến mức mà sự thay đổi có thể tính được trong hàng tháng, thậm chí trong hàng tuần. Tốc độ phát triển đó về sau khó tìm thấy ở những giai đoạn khác.

Trong tiến trình phát triển người ta còn tìm thấy những giai đoạn phát cảm của một vài chức năng tâm lí. Phát hiện ra những thời kì phát cảm để giúp nhà giáo dục tìm mọi cách phát triển một chức năng tâm lí nào đó thật đúng lúc. Nếu để chậm hoặc sớm quá thì sự phát triển sẽ khó thực hiện. Ở tuổi mẫu giáo, xúc cảm thẩm mĩ phát triển khá nhanh, còn sau 10 tuổi thì số đông không nhạy cảm như thế nữa.

- Xét sự phát triển giữa trẻ này với trẻ khác

Tất cả trẻ em đều trải qua những giai đoạn phát triển giống nhau theo một trình tự nhất định. Những giai đoạn này có thể ví như những bậc thang. Muốn trèo đến bậc trên cùng đứa trẻ phải lần lượt trèo từng bậc một. Tuy nhiên mỗi trẻ em trải qua con đường phát triển theo cách riêng của mình với những tốc độ, nhịp độ, khuynh hướng riêng.

Bên cạnh những khác biệt về nhịp độ và tốc độ phát triển, ở trẻ em còn bộc lộ những khác biệt trong các phẩm chất tâm lý cá nhân như tính cách, năng lực, hứng thú... Có thể nói mỗi đứa trẻ là một con người riêng biệt.

- Nguyên nhân của sự phát triển không đồng đều giữa những đứa trẻ

Tính không đồng đều trong sự phát triển tâm lý được quy định bởi sự tác động của rất nhiều điều kiện bên trong và điều kiện bên ngoài thường xuyên dao động gây nên, đồng thời tạo ra tính mâu thuẫn tất nhiên đối với sự phát triển tâm lý của bất kì đứa trẻ nào.

Sự phát triển tâm lý của trẻ phụ thuộc vào môi trường sống và giáo dục. Ngay cả trong cùng một điều kiện sống và giáo dục, cùng trong một gia đình thì hai đứa trẻ cũng vẫn không giống nhau về sự phát triển tâm lý.

Sự phát triển tâm lý của trẻ còn phụ thuộc vào mức độ tích cực của trẻ tham gia hoạt động. Tính chất của hoạt động quy định tính chất của sự phát triển tâm lý. Hoạt động của mỗi đứa trẻ bị thúc đẩy bởi những động cơ khác nhau. Mỗi đứa trẻ có nhu cầu riêng của mình và nó tạo ra thế giới bên trong rất riêng không như nhau ở tất cả mọi đứa trẻ.

Các biểu hiện tâm lý của con người được hình thành dưới tác động của điều kiện ngoại cảnh, bao giờ cũng được khúc xạ qua điều kiện cá nhân bên trong của mỗi người, là kết quả, sản phẩm của sự tác động qua lại ấy. Cái điều kiện bên trong thì không bao giờ giống nhau hoàn toàn ở mọi đứa trẻ và ngay cả đối với hai anh chị em sinh đôi cùng trứng. Tuy nhiên hoàn cảnh phát triển vẫn là nguyên nhân chính trong sự phát triển không đồng đều ấy.

Tuy nhiên sự phát triển không đồng đều trong hoạt động tâm lý của trẻ làm cơ sở tạo ra những nhân cách có một không hai và những nhân cách này góp phần tạo nên một xã hội phong phú và thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển. Trong công tác giáo dục chúng ta không nên rập khuôn, áp đặt trẻ, hãy tôn trọng cá tính riêng của trẻ.

Câu 7: Trình bày cách phân chia các thời kỳ phát triển tâm lý theo lứa tuổi?

Gợi ý:

Căn cứ vào sự thay đổi cơ bản trong điều kiện sống và hoạt động của trẻ, căn cứ vào những thay đổi trong cấu trúc tâm lý và sự trưởng thành cơ

thể của trẻ em, các nhà tâm lý đã chia ra một số thời kỳ chủ yếu trong sự phát triển tâm lý trẻ em:

- Tuổi sơ sinh: mới sinh đến 2 tháng.
- Tuổi hài nhi: 2 tháng đến 12 tháng. Hoạt động chủ đạo: Giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn.
- Tuổi nhà trẻ (ấu nhi): 1 tuổi đến 3 tuổi. Hoạt động chủ đạo: Hoạt động với đồ vật.
- Tuổi mẫu giáo: 3 tuổi đến 6 tuổi. Hoạt động chủ đạo: vui chơi (trung tâm là trò chơi đóng vai theo chủ đề).
- Tuổi nhi đồng: 6 tuổi đến 11 tuổi. Hoạt động chủ đạo: Học tập.
- Tuổi thiếu niên: 11 tuổi đến 15 tuổi. Hoạt động chủ đạo: Học tập và giao lưu nhóm bạn thân.
- Tuổi đầu thanh niên: 15 tuổi đến 18 tuổi. Hoạt động chủ đạo: Học tập gắn với xu hướng nghề nghiệp, hoạt động xã hội.

NỘI DUNG 2: ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ EM TRONG NĂM ĐẦU TIÊN

(Từ lọt lòng đến khoảng 15 tháng)

A. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN SINH VIÊN CẦN NẮM VỮNG

1. Đặc điểm sự phát triển tâm lý của trẻ sơ sinh (từ lọt lòng đến 2 tháng tuổi)

Vai trò của phản xạ không điều kiện; Tình trạng bất phân: cảm giác, cảm xúc chưa phân định; Sự phát triển các nhu cầu.

2. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ hài nhi (từ 2 đến 15 tháng tuổi)

Giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo của trẻ hài nhi; Sự phát triển vận động, hoạt động với đồ vật và định hướng vào môi trường xung quanh; Hình thành những tiền đề của sự lĩnh hội ngôn ngữ.

B. GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI

Câu 1: *Vai trò của phản xạ không điều kiện ở trẻ sơ sinh*

Gợi ý:

Đời sống của em bé trong môi trường mới được đảm bảo nhờ có những cơ chế di truyền có sẵn: hệ thống thần kinh đã sẵn sàng thích nghi với điều kiện bên ngoài, những hệ thống cơ bản của cơ thể (như hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa) bắt đầu khởi động. Nhờ đó trong những ngày đầu tiên các phản xạ tự vệ được thực hiện. Bên cạnh phản xạ tự vệ, còn có phản xạ định hướng, tức là những phản ứng của trẻ hướng tới những kích thích mới lạ. Phản xạ định hướng không phải là bẩm sinh mà nó được nảy sinh trên cơ sở những phản xạ tự vệ bẩm sinh, nhờ có những kích thích của thế giới bên ngoài và đặc biệt là những tác động do người lớn tạo ra. Phản xạ định hướng là cơ sở ban đầu của hoạt động tìm tòi của trẻ. Tuy nhiên sự tìm tòi của trẻ còn bị hạn chế bởi các giác quan còn quá non nớt.

Trong những ngày đầu tiên của cuộc sống trẻ đã được trang bị một số phản xạ không điều kiện giúp trẻ thích ứng với hoàn cảnh sống mới. Phản xạ thở, phản xạ mắt, phản xạ bú mút, phản xạ về nhiệt độ, phản xạ nắm v.v... đều là những phản xạ bẩm sinh được thực hiện sau khi sinh ra. Như vậy so với con vật non thì đứa trẻ yếu ớt hơn rất nhiều, vì mới sinh ra nó

chưa có sẵn bất kì một hình thái hành vi nào của con người. Điều này tưởng là điểm yếu, nhưng thực ra đây chính là thể mạnh của đứa trẻ. Mới sinh ra đứa trẻ hầu như bất lực, không tự phát triển được nhưng lại có khả năng tiếp nhận kinh nghiệm và hành vi đặc biệt của con người.

Bộ não của em bé mới sinh ra nặng khoảng 400g (bằng 1/4 não của người lớn) số lượng tế bào thần kinh lúc lọt lòng đã đầy đủ, nhưng các sợi dây thần kinh chưa được miêlin hóa, còn phải nhiễm chất miêlin mới hoạt động được. Sự miêlin hóa ấy tiến đến đâu thì giác quan và vận động mới phát triển đến đấy. Sự thành thực thần kinh (maturation nerveuse) là tiền đề của mọi sự phát triển, không có không được.

Câu 2: Phân tích tình trạng bất phân ở trẻ sơ sinh

Gợi ý:

Theo Renne N. Spitz (một nhà tâm lý học Mỹ), trẻ sơ sinh trong tình trạng bất phân khi cảm nhận mọi vật. Chẳng hạn vú mẹ, em bé tưởng là thuộc bản thân. Trong tháng đầu trẻ hầu như chưa tiếp nhận rõ ràng kích thích từ bên ngoài, chỉ có nội cảm và tự cảm, chỉ khi nào kích thích bên ngoài quá mạnh mới nhận ra.

Ban đầu nội cảm chiếm ưu thế, liên quan tới hoạt động của hệ thần kinh thực vật, biểu hiện qua cảm xúc, cảm giác mang tính tràn lan không phân định. Đối lập là ngoại cảm có phân định thành những cảm giác rõ rệt, qua những giác quan ngoại vi. Hết tuần đầu, em bé bắt đầu có những phản ứng phân định. Cho đến tuần thứ 6, em bé có thể cảm nhận được một số kích thích từ môi trường bên ngoài, tuy nhiên khi cảm giác khó chịu tràn ngập thì có đặt đầu vú vào mồm em bé cũng không cảm nhận được. Trạng thái căng thẳng phải được giải tỏa (la khóc cựa mình) rồi mới có khả năng cảm nhận.

Đặc biệt trẻ sớm nhận ra mặt người. ở giai đoạn này cảm xúc và cảm giác còn hỗn hợp, nội cảm lấn át ngoại cảm. Nhưng ở vùng môi miệng và họng, là nơi mà một kích thích bên ngoài tạo ngay một phản ứng đặc trưng: tìm bú. Nơi đây tập trung mọi thứ cảm giác: xúc giác, vị giác, khứu giác... Đây là cảm giác ở gần, khác với cảm giác từ xa như mắt thấy tai nghe.

Tuy nhiên, ngay từ đầu, 3 bộ phận khác cũng đã hoạt động: tay, tiền đình, da. Tất cả những cảm giác kể trên đều chưa phân định rõ ràng, còn mang tính hỗn hợp và dính liền với cảm xúc dễ chịu hay khó chịu.

Đứng về mặt nghiên cứu phát triển cảm giác vận động, theo Piaget thì khởi đầu, em bé mới sinh ra chưa thấy, chưa nghe, chưa cảm giác rõ gì ở ngoài bản thân. Em bé sống trong thời kì cảm giác vận động: cảm và nhận thế giới qua cảm giác vận động và vận động càng mở rộng, càng được tổ chức.

Đói khát dẫn đến phản xạ mút, bú, nuốt, lặp đi lặp lại nhiều lần thành những vận động quen thuộc, rồi từ cảm nhận vận động của mình tiến tới nhận ra sự tồn tại một cái gì đó ngoài mình, không phải mình. Thị giác của trẻ sau ba tuần đã có được sự hội tụ của hai nhãn cầu, giúp cho cái nhìn có khả năng tập trung, đảm bảo sự ổn định nào đó cho những cảm giác thị giác. Hai tháng, trẻ đã có thể nhìn theo một vật chuyển động chậm, một nguồn sáng di động, nhận ra vài đối tượng... Dù còn rất sơ khai nhưng hoạt động của thị giác có ý nghĩa to lớn.

Câu 3: Phân tích sự phát triển các nhu cầu ở trẻ sơ sinh

Gợi ý:

- Nhu cầu - yếu tố thúc đẩy sự phát triển

Nhu cầu tạo nên tính tích cực của con người, thúc đẩy con người hoạt động để thỏa mãn. Sự thỏa mãn hay không thỏa mãn nhu cầu đưa đến những trạng thái tâm lý khác nhau: dễ chịu hay khó chịu, thoải mái hay căng thẳng, vui vẻ hay ảm ức...

Trẻ em có những nhu cầu sinh lý thiết yếu, đầu tiên là nhu cầu dinh dưỡng: ăn uống đủ chất để đảm bảo cơ thể phát triển bình thường, khỏe mạnh. Nếu không thỏa mãn nhu cầu này trẻ sẽ suy dinh dưỡng, sinh bệnh tật. Nhu cầu về nhiệt độ: phải sống trong môi trường nhiệt độ thích hợp, không quá nóng hay quá lạnh để cơ thể có thể chịu được; nhu cầu về không khí trong lành... Cùng với những nhu cầu sinh lý trẻ có những nhu cầu tâm lý xã hội: an toàn về thể chất và về tâm lý, có quan hệ tình cảm xã hội đầy đủ, được hoạt động về tay chân và trí óc, được tự khẳng định bản thân... Nếu không được thỏa mãn những nhu cầu này trẻ không thể phát triển bình thường về tâm lý, không thể hình thành nhân cách.

Sự phát triển của trẻ em được đánh giá về hai mặt cơ bản: sự tăng trưởng về cơ thể và sự phát triển về tâm lý. Cả hai mặt này chỉ đạt được trên cơ sở trẻ được thỏa mãn các nhu cầu, được phát triển nhu cầu. Để trẻ em phát triển, việc quan tâm đến các nhu cầu của trẻ và thỏa mãn nó một cách hợp lý, tạo điều kiện cho nó phát triển một cách phù hợp là rất cần thiết.

- Vai trò của sự thỏa mãn các nhu cầu sinh học

Trong những ngày tháng đầu tiên của cuộc đời, các nhu cầu sinh học được thỏa mãn có ý nghĩa lớn. Trước hết là nhu cầu ăn uống. Với trẻ sơ sinh, tiếng khóc là "phương tiện" có ý nghĩa nhất giúp trẻ biểu hiện nhu cầu của bản thân. Người lớn căn cứ vào đây để biết tình trạng của trẻ.

Ngoài nhu cầu ăn uống trẻ còn phải được sống trong môi trường nhiệt độ thích hợp. Sự thỏa mãn nhu cầu về sinh học, trước hết là nhu cầu dinh dưỡng, phải thông qua người lớn. Điều này không chỉ có ý nghĩa tồn tại về mặt cơ thể mà quan trọng hơn, nó còn giúp trẻ phát triển về tâm lí.

Sự lặp đi lặp lại nhiều lần trong một ngày, từ ngày này sang ngày khác... có tính chu kì của các cảm giác, cảm xúc, của các đối tượng, các tình huống có liên quan đến sự thỏa mãn nhu cầu cơ thể có ý nghĩa lớn: nó tạo ra ở trẻ những kinh nghiệm đầu tiên. Mới đầu, trẻ chỉ ngừng khóc khi bắt đầu bú. Về sau, chỉ cần mẹ bế lên là đã thôi khóc. Đến đây, mức độ đầu tiên của một cấu trúc về tâm lí đã được hình thành.

Sự thỏa mãn các nhu cầu sinh học của trẻ em thông qua người lớn có ý nghĩa to lớn đối với sự tồn tại và phát triển của trẻ em. Các nhu cầu sinh học và chủ yếu là những nhu cầu này được người mẹ và người thân thỏa mãn, trong những ngày tháng đầu tiên của trẻ không chỉ giúp trẻ tồn tại và lớn lên về mặt cơ thể mà còn là điều kiện để trẻ phát triển về mặt tâm lí.

- Nhu cầu an toàn

Nhu cầu an toàn về vật chất và về tâm lí là một nhu cầu cơ bản của trẻ em. Trẻ em phải được bảo đảm an toàn tuyệt đối về mặt vật chất: thức ăn phải vệ sinh, tránh lửa, điện, nước sôi, tránh ngã từ trên cao... Không được an toàn về vật chất dẫn đến những tổn thương về mặt cơ thể, nguy hiểm về tính mạng. Người lớn cần hết sức quan tâm để trẻ được an toàn về mặt này.

An toàn về mặt tâm lí cũng quan trọng không kém. Trẻ muốn phát triển bình thường phải cảm thấy được che chở, nâng niu, được sống trong môi trường quen thuộc đầy tình yêu thương của cha mẹ và người thân. Bất lực, yếu ớt về mặt sinh học, trẻ hoàn toàn phụ thuộc vào sự chăm sóc của người khác. Khi bị mất an toàn, đứa trẻ rơi vào tình trạng ảm ức, hăng hực và lo lắng. Đây là nguyên nhân của nhiều bất ổn trong quá trình phát triển của trẻ, cả về mặt sinh lí lẫn tâm lí.

Với trẻ sơ sinh, người mẹ là người quan trọng nhất thỏa mãn trẻ mọi nhu cầu, mang lại cảm giác an toàn cho trẻ. Mẹ là tác nhân quan trọng nhất giúp các cảm giác và kinh nghiệm được hình thành. Sự dịu dàng, yêu thương của mẹ, đức tính sẵn sàng vì con vô cùng cần thiết đối với trẻ. Để trẻ cảm thấy an toàn nên tạo ra và giữ một nếp sinh hoạt ổn định cho trẻ, cho trẻ được sống trong môi trường đầy đủ tình yêu thương.

- Nhu cầu tiếp nhận các ấn tượng từ thế giới bên ngoài

Để tồn tại và phát triển, mối quan hệ giữa đứa trẻ với thế giới bên ngoài cần được thiết lập. Đó là một trong những nhu cầu được nảy sinh sớm nhất trong thời kì sơ sinh - nhu cầu tiếp nhận các ấn tượng từ thế giới bên ngoài.

Nhu cầu này gắn liền với phản xạ định hướng. Lúc đầu trẻ chỉ có phản ứng nhìn khi một vật sáng để gần và chỉ có phản ứng khi nghe tiếng động to. Dần dần đứa trẻ đã có thể phân biệt được các âm thanh và mùi vị khác nhau. Đặc điểm quan trọng của trẻ sơ sinh là thị giác và thính giác phát triển nhanh hơn các cử động của thân thể. Ngay trong thời kì mới ra đời, ở trẻ có thể hình thành những phản xạ có điều kiện để thiết lập mối liên hệ giữa trẻ với môi trường bên ngoài. Nhờ đó việc thu nhận những ấn tượng bên ngoài được thuận lợi. Chỉ trong vài tuần lễ đầu khu vực hoạt động của thị giác trên vỏ não đã tăng lên 50%.

Ngoài sự phát triển của bộ não thì điều quan trọng là do ảnh hưởng của các kích thích từ thế giới bên ngoài, nếu không có những kích thích đó thì bộ não cũng không thể phát triển được. Các giác quan là những "cửa sổ" mở ra đón nhận những kích thích từ bên ngoài vào. Không có những cảm giác do các giác quan đưa lại trẻ không thể nhận rõ thế giới. Do đó người lớn cần chú ý tạo ra và tổ chức các ấn tượng bên ngoài cho trẻ tiếp nhận, như đem đồ vật lại gần trẻ, cúi xuống trò chuyện với trẻ, phát ra các âm thanh nhẹ nhàng cho trẻ nghe v.v... để phát triển nhanh các phản xạ định hướng của trẻ vào thế giới xung quanh.

- Nhu cầu gắn bó với người khác

Lọt lòng trẻ em đã có những ứng xử làm cho người lớn, nhất là người mẹ phải quan tâm như mút, bám núu, khóc, mỉm cười, muốn được ôm ấp vỗ về, thể hiện một nhu cầu muốn gắn bó với người lớn.

Chúng ta có thể đi đến một kết luận rằng: vắng mẹ từ những ngày đầu mới ra đời là nỗi bất hạnh to lớn đối với trẻ em. Lúc mới sinh ra, cái mà trẻ

nhận ra đầu tiên chính là mẹ mình. Trước khi nhận ra đồ vật xung quanh thì hình ảnh của mẹ đã in vào đầu óc non nớt của bé làm cho nó gắn bó một cách hết tự nhiên với hình ảnh ấy. Mặt mẹ, mùi da thịt của mẹ... tất cả những thứ đó tạo ra cho bé một cảm giác an toàn, dễ chịu, mà cuộc sống của trẻ không thể thiếu những điều đó được.

Trong mối quan hệ gắn bó mẹ con ở cả hai phía, mẹ và con đều phát ra tín hiệu cho nhau. Tín hiệu của mẹ được biểu hiện ở những cử chỉ, động tác, nét mặt, giọng nói... hướng về đứa con nhằm gọi cho nó phản ứng đáp lại. Ở đứa con, tuy chưa có lời nói hay cử chỉ hướng về mẹ một cách chủ định, nhưng ở trẻ cũng có thể phát ra những tín hiệu khiến cho người xung quanh chú ý đến mình như la khóc, vặn mình, cọ quấy tay chân... Nhờ đó mà người xung quanh, trước hết là người mẹ, nhận ra và đáp ứng được nhu cầu của bé như cho bú, thay tã lót, ôm ấp vỗ về, tạo ra sự gắn bó với trẻ.

Thông qua những tín hiệu phát ra từ mẹ và con, nhiều công trình nghiên cứu đã tổng kết được 4 kiểu quan hệ gắn bó mẹ con.

Tạo được mối quan hệ gắn bó mẹ con ngay từ những ngày đầu trẻ mới ra đời là một cách phòng ngừa tốt nhất, tránh cho trẻ nguy cơ chậm phát triển và lệch lạc về sinh lý cũng như tâm lý sau này.

Ngày lại ngày ở trẻ hình thành nên những phản ứng vận động xúc cảm đặc biệt hướng tới người lớn. Phản ứng này được gọi là "phức cảm hơn hờ". Sự xuất hiện phức cảm hơn hờ cũng là kết thúc thời kì sơ sinh để bước sang thời kì mới: tuổi hài nhi.

Các nhu cầu của trẻ trên đây còn tiếp tục được đáp ứng ở những giai đoạn phát triển sau.

Câu 4: *Giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn mang lại những gì cho sự phát triển tâm lý của trẻ hài nhi ?*

Gợi ý:

Giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo của trẻ hài nhi. Cuộc sống của trẻ hài nhi hoàn toàn phụ thuộc vào người lớn: người lớn cho ăn, cho mặc, người lớn tạo ra những ấn tượng bên ngoài cho trẻ thu nhận v.v.. Do đó giao tiếp với người lớn là một nhu cầu bức thiết của trẻ. Sở dĩ có nhu cầu đó là do yêu cầu khách quan của cuộc sống trẻ em. Để cho trẻ

cảm thấy dễ chịu, người lớn phải đáp ứng nhu cầu giao tiếp của trẻ, giúp cho trẻ có được tiền đề phát triển nhân cách sau này.

Trong phức cảm hơn hờ đã thể hiện rõ rệt thái độ xúc cảm tích cực của trẻ đối với người lớn. Trẻ rất vui mừng khi được giao tiếp trực tiếp với người lớn. Thái độ đó tiếp tục phát triển mạnh suốt trong thời kì hài nhi.

Giao tiếp trực tiếp với người lớn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển tâm lí của trẻ. Đặc biệt là về mặt xúc cảm.

Vào khoảng tháng thứ 6 đến tháng thứ 8, ở trẻ xuất hiện một hiện tượng mới: lúc có người lạ đến gần trò chuyện với em bé, bé không mỉm cười ngay như trước nữa mà tỏ ra sợ hãi, từ chối không muốn giao tiếp, có bé cúi mặt xuống, lấy tay che mặt hoặc chui đầu vào chăn hay la khóc ầm lên. Đây là một mốc quan trọng trong quá trình phát triển cảm xúc. Trong những ngày đầu ở trẻ chỉ có phản ứng cảm xúc thô sơ khi có một nhu cầu nào đó được thỏa mãn hoặc không được thỏa mãn. Dần dần phản ứng ấy được phân định rõ nét hơn, em bé tỏ ra biết sử dụng một số dấu hiệu khác nhau để yêu cầu điều này, điều khác hoặc tỏ ra khó chịu hay sợ hãi.

Hiện tượng sợ hãi đứng trước một người lạ không giống với nỗi sợ hãi khi gặp một kinh nghiệm đau đớn, mà đây là sự so sánh của em bé giữa hình ảnh của người lạ với hình ảnh quen thuộc của người mẹ đã được ghi lại rõ nét. Spitz gọi sự xuất hiện này là mốc tổ chức thứ 2 trong quá trình phát triển (mốc thứ nhất là nhu cầu gắn bó). Cùng lúc ấy, sự thành thực của hệ thần kinh cho phép có những cảm giác rõ rệt hơn, thực hiện được một số vận động, điều khiển tư thế trong vận động, xuất hiện một bản ngã thô sơ (cũng có thể gọi là cái "tôi" tuy còn rất mờ nhạt).

Cùng với giao tiếp trực tiếp với người lớn, dần dần ở trẻ xuất hiện nhu cầu sờ mó, cầm nắm các đồ vật. Một quan hệ tay ba (trẻ em người lớn đồ vật) được hình thành. Sau đó em bé có khả năng chuyển tình cảm với mẹ sang đồ vật, gọi đồ vật là quá độ (Object transitionnel).

Trong khi hoạt động phối hợp với trẻ, người lớn có thể giúp trẻ biết hành động một cách hợp lí với đồ vật. Nhờ hoạt động phối hợp với người lớn, ở trẻ nảy sinh khả năng bắt chước hành động của người lớn. Khả năng này là điều kiện quan trọng để trẻ tiếp thu những điều dạy dỗ của người lớn, mở rộng vốn kinh nghiệm của trẻ. Khả năng bắt chước những hành động